

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST.

Ngày: 10/01/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hùng Minh Sang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Thị T, sinh năm 1966. Tại tỉnh N.

Nơi cư trú: Ấp T 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 1/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đỗ Văn A (đã chết) và bà Đỗ Thị B.

Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình.

Chồng tên Lê Văn C và có 05 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án: không.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 14/12/1985 Công an tỉnh Hà Nam Ninh lập danh chỉ bản số 9191 về việc “Tập trung cải tạo về tội hình sự”.

- Ngày 03/6/1998 Công an Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định xử phạt tiền 100.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 05/9/2000 Công an Thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo.

- Ngày 27/6/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Ngày 25/4/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Ngày 26/02/2009 bị Tòa án nhân dân Thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; cộng với 09 tháng tù của bản án số 34/2007 ngày 25/4/2007 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước. Tổng cộng hình phạt là 24 tháng tù.

- Ngày 28/9/2010 Công an Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước lập danh chỉ bản về việc “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 17/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị bắt tạm giữ ngày 25/8/2019 và chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

- *Người bị hại:* Bà **L N**, sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông **Lê Văn C**, sinh năm: 1968 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 2, xã B, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị T, sinh năm 1966, thường trú tại Ấp T 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vào sáng ngày 25/8/2019, T đón xe khách từ huyện P, tỉnh Bình Phước đến Tu viện Phước Hải thuộc khu Công nghiệp Gò Dầu – Vedan, xã T, huyện LT, tỉnh Đồng Nai để đi lễ Phật. Lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến khu vực bếp ăn của tu viện thì thấy túi quần bên trái của chị N có một cọc tiền nên T nảy sinh ý định trộm tiền của chị N. Thực hiện ý định trên, T tiến lại gần phía bên trái người chị N, giả vờ chen lấn để chị N mất cảnh giác, T dùng tay phải lấy

cọc tiền trong túi quần của chị N (số tiền 6.550.000 đồng được gấp lại và cột bằng dây thun màu vàng) rồi nhanh chóng đi đến khu vực bàn ăn gần đó để ngồi.

Trước đó vào lúc 08 giờ cùng ngày chị Nguyễn Thị L là người đi lễ phạt có trình báo với anh Nguyễn Văn T – nhân viên bảo vệ Tu viện Phước Hải là mất số tiền 14.330.000 đồng nên anh T đi kiểm tra, nghi ngờ T có hành vi trộm cắp tài sản nên anh T đi theo quan sát thấy T tiếp cận phía sau chị N. Do không thấy T thực hiện hành vi trộm tiền của chị N nên sau khi T bỏ đi, anh T đến hỏi chị N có mất gì không thì chị N kiểm tra thấy mất số tiền 6.550.000 đồng mà chị N đã gấp đôi lại và cột bằng dây thun màu vàng nên cùng với anh T đến chỗ T hỏi thì T không thừa nhận lấy tiền của chị N. Sau đó anh T yêu cầu kiểm tra, phát hiện 6.550.000 đồng đúng như chị N miêu tả trong túi xách của T nên đưa T đến đồn Công an Khu công nghiệp Gò Dầu – Vedan, lập biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm chục ngàn đồng).

- Ngoài ra trong quá trình kiểm tra lập biên bản có tạm giữ của T số tiền 15.360.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là tiền do ông Lê Văn C là chồng của bị cáo T đưa cho T để mua vật liệu xây dựng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho ông C ngày 12/11/2019.

- 01 túi xách màu nâu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho ông Lê Văn C là chồng của bị cáo T ngày 12/11/2019.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSLT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Đỗ Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo T từ 16 đến 18 tháng tù.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại bà N và người làm chứng anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa và có đơn xin vắng mặt,

lời khai của bà N và anh T đã được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N và anh T theo quy định khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, người bị hại, người làm chứng, không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Bị cáo Đỗ Thị T khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/8/2019, tại Tu viện Phước Hải thuộc khu Công nghiệp Gò Dầu Vedan, xã T, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, Đỗ Thị T có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà N số tiền 6.550.000đồng. Hành vi của bị cáo Đỗ Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản bị cáo đã thực hiện trót lọt tội phạm, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi hoàn trả cho người bị hại, người bị hại bà N không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng vụ án:

- Số tiền 6.550.000đồng đã trả cho bà N vào ngày 11/14/2019.

- Ngoài ra trong quá trình kiểm tra lập biên bản có tạm giữ của T số tiền 15.360.000đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền này là của ông Lê Văn C là

chồng của bị cáo T đưa cho tâm để mua vật liệu xây dựng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho ông C ngày 12/11/2019.

- 01 túi xách màu nâu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị T không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bị cáo T, ông Lê Văn C là chồng của bị cáo T nhận thay ngày 12/11/2019.

[8] Đối với số tiền 14.330.000 đồng mà chị Nguyễn Thị L khai mất vào sáng ngày 25/8/2019, do chị L không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc mất số tiền trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không xem xét xử lý đối với bị cáo T và tiếp tục xác minh điều tra xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Đỗ Thị T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2019.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ba

Lý Thị Bạch Tuyết

Hùng Minh Sang